TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN

được công nhận kết quả học tập và cấp Chứng chỉ hoàn thành chương trình Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên Tiểu học hạng II đợt 8-năm 2018

(*Ban hành kèm theo Quyết định số 2240/QĐ-ĐHHĐ ngày 25/12/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức*)

TT	Số CC	Họ và tên		Ngày sinh	Giới	Đơn vị công tác		Kết quả học tập			Kết quả bồi dưỡng
								Kiến thức chung	Kiến thức ngành	Thu hoạch	
1	2463	Nguyễn Thị	Anh	21/02/1986		TH&THCS Giao An	Lang Chánh	7.5	9.0	8.0	*Đạt*
2	2464	Lê Thị Lan	Anh	10/10/1982		TH&THCS Hải Vân	Như Thanh	7.0	8.5	7.0	*Đạt*
3	2465	Ngọ Đình	Anh	10/10/1975	Nam	TH Minh Nghĩa	Nông Cống	7.5	7.5	9.0	*Đạt*
4	2466	Hồ Xuân	Bắc	20/05/1979	Nam	TH Vạn Thiện	Nông Cống	7.0	7.5	8.5	*Đạt*
5	2467	Trần Thị	Bích	12/10/1983		TH Ngọc Trung	Ngọc Lặc	6.5	7.0	8.0	*Đạt*
6	2468	Lường Thị	Bình	12/06/1984		TH Minh Nghĩa	Nông Cống	6.5	7.5	9.0	*Đạt*
7	2469	Hà Văn	Chiềng	17/03/1980	Nam	Tiểu học Tén Tằn	Mường Lát	6.0	8.0	8.0	*Đạt*
8	2470	Vi Thị	Chuyền	11/11/1983		TH Xuân Thái	Như Thanh	7.0	8.5	9.0	*Đạt*
9	2471	Hà Thị	Đầm	15/02/1978		Tiểu học Tén Tằn	Mường Lát	6.5	7.5	8.0	*Đạt*
10	2472	Hà Thị	Đào	25/05/1075		TH Thúy Sơn 2	Ngọc Lặc	6.5	7.0	8.5	*Đạt*
11	2473	Lương Thị	Đào	18/10/1975		TH Hoàng Sơn	Nông Cống	8.5	8.5	9.0	*Đạt*
12	2474	Trần Thị	Diệp	14/08/1982		Tiểu học Pù Nhi	Mường Lát	7.5	8.5	8.0	*Đạt*
13	2475	Hà Thị	Dung	10/04/1985		TH Tam Văn	Lang Chánh	7.0	8.5	8.0	*Đạt*
14	2476	Nguyễn Thế	Hải	02/09/1972	Nam	TH Mậu Lâm 2	Như Thanh	8.0	9.0	8.0	*Đạt*
15	2477	Nguyễn Đức	Hân	02/09/1979	Nam	TH Minh Nghĩa	Nông Cống	8.5	8.5	9.0	*Đạt*
16	2478	Hà Thị	Hạnh	19/05/1980		TH Pù Nhi	Mường Lát	8.0	8.5	8.5	*Đạt*
17	2479	Lê Thị	Hiên	20/08/1979		TH Công Liêm 2	Nông Cống	8.0	8.5	8.5	*Đạt*
18	2480	Nguyễn Thị	Huê	20/03/1978		TH Mỹ Tân	Ngọc Lặc	7.5	9.0	7.5	*Đạt*

TT	Số CC	Họ và tên		Ngày sinh	Giới	Đơn vị công tác		Kết quả học tập			Kết quả bồi dưỡng
								Kiến thức chung	Kiến thức ngành	Thu hoạch	
19	2481	Lê Thị	Huê	18/08/1976		TH Thăng Bình	Nông Cống	8.5	8.0	9.0	*Đạt*
20	2482	Vũ Thị	Huệ	05/11/1984		TH Ngọc Trung	Ngọc Lặc	7.5	8.5	9.0	*Đạt*
21	2483	Hồ Văn	Hưng	28/09/1988	Nam	TH Yên Thắng	Lang Chánh	7.5	8.5	7.0	*Đạt*
22	2484	Nguyễn Tuấn	Huy	14/01/1976	Nam	TH Minh Khôi	Nông Cống	8.5	8.5	9.0	*Đạt*
23	2485	Bùi Thị	Huyền	29/10/1978		TH Hải Long	Như Thanh	6.5	8.5	7.5	*Đạt*
24	2486	Ngân Thị	Lan	16/05/1985		TH&THCS Thị Trấn	Mường Lát	8.0	8.0	7.5	*Đạt*
25	2487	Trương Thị	Loan	24/08/1978		TH Thạch Lập 1	Ngọc Lặc	6.0	8.5	8.5	*Đạt*
26	2488	Hà Thị	Lực	02/04/1979		Tiểu học Tén Tằn	Mường Lát	7.0	9.0	8.5	*Đạt*
27	2489	Hà Thị	Luyến	05/10/1986		TH Tân Phúc	Lang Chánh	7.0	9.0	8.0	*Đạt*
28	2490	Nguyễn Thị	Mai	26/01/1978		TH Thị trấn Bến Sung	Như Thanh	8.0	8.0	9.0	*Đạt*
29	2491	Lê Thị	Minh	19/08/1976		TH Hoàng Sơn	Nông Cống	7.5	8.0	8.0	*Đạt*
30	2492	Bùi Thị	My	06/08/1978		TH Tượng Sơn	Nông Cống	8.5	8.0	8.5	*Đạt*
31	2493	Vi Thị	Nga	01/06/1983		TH Tân Phúc	Lang Chánh	7.0	8.0	8.5	*Đạt*
32	2494	Lê Thị	Nga	07/07/1975		TH Yên Khương	Lang Chánh	6.0	8.5	7.5	*Đạt*
33	2495	Lê Thị	Nguyệt	10/11/1978		TH Xuân Phúc	Như Thanh	8.5	7.0	9.0	*Đạt*
34	2496	Lê Thị	Phương	18/06/1981		TH Trường Trung	Nông Cống	8.0	8.5	8.0	*Đạt*
35	2497	Nguyễn Thị	Quang	13/02/1980		TH Tân Phúc	Lang Chánh	7.0	8.0	8.5	*Đạt*
36	2498	Lê Thị	Quế	20/12/1979		TH Xuân Phúc	Như Thanh	7.0	8.5	9.0	*Đạt*
37	2499	Tạ Thị	Quý	03/02/1977		TH Yên Thọ 1	Như Thanh	7.0	9.0	8.5	*Đạt*
38	2500	Bùi Thị	Sáng	04/04/1985		TH Thị trấn	Lang Chánh	7.5	8.5	8.5	*Đạt*
39	2501	Ngô Trí	Sỹ	01/05/1974	Nam	TH Tượng Sơn	Nông Cống	6.0	7.5	8.5	*Đạt*
40	2502	Nguyễn Khắc	Tám	17/08/1974	Nam	TH Thăng Long 1	Nông Cống	6.5	8.0	8.0	*Đạt*
41	2503	Lê Thị	Thắm	30/34/1986		TH Hoàng Sơn	Nông Cống	8.0	8.5	7.0	*Đạt*
42	2504	Lương Văn	Thanh	15/10/1974	Nam	TH Yên Khương	Lang Chánh	7.0	8.0	8.0	*Đạt*

TT	Số CC	Họ và tên		Ngày sinh	Giới	Đơn vị công tác		Kết quả học tập			Kết quả bồi dưỡng
								Kiến thức chung	Kiến thức ngành	Thu hoạch	
43	2505	Bùi Thị	Thanh	24/07/1978		Tiểu học Tén Tằn	Mường Lát	7.5	8.5	7.5	*Đạt*
44	2506	Bùi Thị	Thảo	22/06/1978		TH Quang Hiến	Lang Chánh	7.5	7.0	8.5	*Đạt*
45	2507	Đường Thị	Thoa	23/01/1980		TH Xuân Khang 2	Như Thanh	8.5	8.5	9.5	*Đạt*
46	2508	Lê Thị	Thu	10/09/1976		TH Thị trấn Bến Sung	Như Thanh	8.0	8.0	8.5	*Đạt*
47	2509	Trịnh Thị	Thu	08/05/1975		TH Xuân Khang 1	Như Thanh	8.0	8.5	9.0	*Đạt*
48	2510	Quách Thanh	Thủy	16/04/1979		TH&THCS Hải Vân	Như Thanh	7.0	7.5	7.0	*Đạt*
49	2511	Lê Xuân	Toàn	03/02/1975	Nam	TH Phùng Minh	Ngọc Lặc	7.5	8.5	8.5	*Đạt*
50	2512	Nguyễn Thị	Tươi	08/04/1983		TH&THCS Thị Trấn	Mường Lát	7.5	7.5	7.5	*Đạt*
51	2513	Hoàng Khắc	Văn	01/03/1975	Nam	TH Quang Hiến	Lang Chánh	6.5	7.0	8.0	*Đạt*
52	2514	Nguyễn Quốc	Văn	06/11/1975	Nam	Tiểu học Pù Nhi	Mường Lát	5.5	7.0	7.0	*Đạt*
53	2515	Lê Văn	Việt	05/07/1987	Nam	TH Yên Lạc	Như Thanh	8.5	8.5	8.0	*Đạt*
54	2516	Lê Huy	Vọng	12/12/1974	Nam	TH Tượng Sơn	Nông Cống	8.0	8.5	9.0	*Đạt*
55	2517	Phạm Văn	Vũ	03/09/1986	Nam	Trường TH Vân Am 2	Ngọc Lặc	5.5	7.5	7.0	*Đạt*
56	2518	Hoàng Thị	Xuân	28/10/1990		TH Tén Tằn	Mường Lát	8.5	7.5	8.5	*Đạt*

(*Ấn định danh sách này gồm 56 học viên*)./.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Thị Mai